| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2022
*"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà **Huỳnh Ngọc Sương**
*Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông **Nguyễn Minh Thuận**
Ông **Nguyễn Hữu Thuận**

***- Thư ký phiên toà:*** Ông **Lê Kim Hồ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:*** Ông N**guyễn Hoàng Danh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông **Lê Thanh L**, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Nơi cư trú: tổ 4, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Nơi cư trú cuối cùng: tổ 4, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 21/02/2022 nguyên đơn Lê Thanh L trình bày:***

Vào năm 1997 ông và bà Bùi Thị T qua mai mối tiến đến hôn nhân, có tổ chức hôn lễ theo phong tục tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Văn Thành. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long được khoảng 10 năm. Trong thời gian chung sống ông và bà T có 03 con chung là Lê Thị Thúy Q (sinh ngày 18/10/1998), Lê Y (sinh ngày 13/9/2000) và Lê H (sinh ngày 27/10/2004); cháu Q và cháu Y đã trưởng thành, còn cháu H hiện đang sống với ông.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2009 thì bà T bỏ đi khỏi địa phương không rõ lý do. Sau khi bà T bỏ đi ông đã thông báo đến chính quyền địa phương và nhiều lần tìm kiếm, liên lạc với bà T nhưng không có kết quả. Hiện nay ông không biết bà T làm gì, ở đâu, không có thông tin xác thực về bà T, vì vậy, theo yêu cầu của ông L, ngày 08/11/2021 Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2022/QĐST-VDS tuyên bố mất tích đối với bà Bùi Thị T.

Xét thấy tỉnh cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị T

- Về con chung: ông L yêu cầu giải quyết cho ông được nuôi cháu Lê H (sinh ngày 27/10/2004), ông L không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Đối với Lê Thị Thúy Q (sinh ngày 18/10/1998) và Lê Y (sinh ngày 13/9/2000) đã trưởng thành nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản (tài sản chung và nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 17/6/2022 ông Lê Thanh L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử vắng mặt ông trong tất cả các phiên tòa cho đến khi vụ án kết thúc bằng một bản án hay quyết định có hiệu lực pháp luật.

Đối với bà Bùi Thị T, ngày 08/11/2021 Tòa án Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã có Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2022/QĐST-VDS tuyên bố bà T mất tích. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Bùi Thị T theo quy định của pháp luật, nhưng bà T không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không giao nộp văn bản trình bày quan điểm về việc ông L khởi kiện xin ly hôn với bà.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án thì nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định và bị đơn thì chưa chấp hành đúng quy định *(bị đơn còn vắng mặt trong tất cả các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa).*

*Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh L, cho ông L được ly hôn với bà Bùi Thị T. Về con chung: Lê H (sinh ngày 27/10/2004) giao cho ông Lê Thanh L nuôi dưỡng, bà T chưa phải cấp dưỡng nuôi con, bà T được quyền tới lui thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về quan hệ tài sản: đương sự không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc ông Lê Thanh L nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, ông L được trừ vào tiền tạm ứng án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Lê Thanh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị T có nơi cư trú cuối cùng tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành các cuộc họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, xét nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

*[3.1] Về quan hệ hôn nhân:* Xét ông Lê Thanh L và bà Bùi Thị T chung sống từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn vào năm 2001 theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa ông L và bà T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống bà T đã bỏ địa phương đi từ năm 2009 và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T. Xét thấy việc ông Lê Thanh L xin ly hôn với bà Bùi Thị T là là có cơ sở để chấp nhận, bởi vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình và có nghĩa vụ chung sống với nhau để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng theo lời trình bày của ông Lê Thanh L tại đơn khởi kiện và bản khai ngày 21/02/2022) (BL 01 - 02) thì từ khoảng tháng 02/2009 bà T đã bỏ địa phương đi không rõ lý do, ông Lâm đã dùng nhiều biện pháp để tìm kiếm, liên lạc với bà T nhưng đều không có kết quả và theo yêu cầu của ông L, ngày 08/11/2021 Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2022/QĐST-VDS tuyên bố mất tích đối với bà Bùi Thị T và Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật, cho đến nay bà T vẫn chưa trở về đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của ông Lê Thanh L. Thêm vào đó, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T vẫn vắng mặt. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Thanh L Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh L, cho ông L ly hôn với bà Bùi Thị T

*[3.2] Về con chung:* Ông Lê Thanh L yêu cầu giải quyết cho ông được nuôi cháu Lê H (sinh ngày 27/10/2004), không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu H từ trước đến nay sống với ông L và cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông L, thêm vào đó hiện nay bà T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Do đó, xét việc

giao cháu H cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L, giao cháu Lê H cho ông Lê Thanh L nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Toà án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Bà Bùi Thị T được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

Đối với Lê Thị Thúy Q (sinh ngày 18/10/1998), Lê Y (sinh ngày 13/9/2000) đã trưởng thành, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do ông Lê Thanh L không yêu cầu bà Bùi Thị T cấp dưỡng nuôi cháu Lê H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[3.3] Về quan hệ tài sản:* Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Lê Thanh L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh L

*1.1. Về quan hệ hôn nhân:* Cho ông Lê Thanh L ly hôn với bà Bùi Thị T

*1.2. Về con chung:* Giao cháu Lê H (sinh ngày 27/10/2004) cho ông Lê Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án của Toà án có hiệu lực đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Toà án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Bà Bùi Thị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Bùi Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, anh

Trường còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*1.3.Về quan hệ tài sản:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Thanh L nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí ông L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0013524 ngày 22/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Huỳnh Ngọc Sương**

***Nơi nhận:***
- Đương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- UBND xã Nguyễn Văn Thảnh, huyện Bình Tân: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b